

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2020/DS-ST

Ngày: 24/9/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phúc.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Vào ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 290/2020/TLST- DS ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2020/QĐST-DS ngày 07/9/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Phan Thị C, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, (có mặt).

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1958;

2.2. Ông Dương Văn T, sinh năm 1960. Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, (cùng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 10/6/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Phan Thị C trình bày:***

Bà L và ông T có tham gia 03 dây hụi do bà làm chủ thảo như sau:

- Dây thứ 01: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 20/6/2015 âm lịch, có 17 phần, ông T và bà L tham gia 01 phần, mỗi tháng khai hụi 01 lần, tiền hoa hồng cho chủ thảo mỗi lần hốt hụi là 400.000 đồng. Ông T, bà L đã hốt hụi lần đầu, bà đã giao đủ số tiền 11.120.000 đồng, sau đó ông T, bà L có góp 02 lần hụi chết

thì ngưng, bà phải choàng thay cho ông T, bà L 14 lần tiền hụi chết, hiện dây hụi đã mãn. Nay yêu cầu ông T, bà L trả lại 14.000.000 đồng.

- Dây thứ 02: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 20/4/2016 âm lịch, có 29 phần, ông T, bà L tham gia 01 phần, mỗi tháng khai hụi 01 lần, tiền hoa hồng cho chủ thảo mỗi lần hốt hụi là 400.000 đồng. Ông T, bà L đã hốt hụi lần đầu, bà đã giao đủ số tiền 21.520.000 đồng, sau đó ông T, bà L có góp lại 03 lần hụi chết thì ngưng cho đến nay, bà phải choàng số tiền này thay cho ông T, bà L 25 lần hụi chết, hiện dây hụi đã mãn. Nay yêu cầu ông T, bà L trả lại 25.000.000 đồng.

- Dây thứ 03: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 10/01/2017 âm lịch, có 27 phần, ông T, bà L tham gia 01 phần, mỗi tháng khai hụi 01 lần, tiền hoa hồng cho chủ thảo mỗi lần hốt hụi là 400.000 đồng. Ông T, bà L đã hốt hụi lần thứ 02, bà đã giao đủ số tiền 18.600.000 đồng, sau đó không có góp lại tiền hụi chết, bà phải choàng số tiền này thay cho ông T, bà L 25 lần góp hụi chết, hiện dây hụi đã mãn. Nay yêu cầu ông T, bà L trả lại 25.000.000 đồng.

Tổng cộng 03 dây hụi ông T, bà L còn nợ bà số tiền 64.000.000 đồng. Sau đó ông T, bà L có trả số tiền 6.200.000 đồng. Nay yêu cầu ông T, bà L trả số tiền 57.800.000 đồng.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: 03 giấy biên nhận giao tiền hốt hụi cho ông T, bà L.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo, thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhưng ông T, bà L vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên Tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy bà C khởi kiện yêu cầu ông T, bà L trả lại tiền góp hụi nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu các bên đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[4] Xét thấy việc giao kết hợp đồng góp hui, giao nhận tiền hót hui giữa bà C với vợ chồng ông T, bà L có lập thành văn bản nội dung phù hợp quy định pháp luật nên được công nhận.

Ông T, bà L đã nhận tiền hót hui nhưng vi phạm nghĩa vụ góp hui theo thỏa thuận, bà C phải choàng hui thay cho ông T, bà L số tiền 57.800.000 nên yêu cầu trả lại là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP quy định về họ, hui, biêu, phường nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Theo biên bản xác nhận ngày 01/7/2020 tại công an xã P thì ông T, bà L hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý bất lợi của việc từ chối tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Trường hợp ông T, bà L có tranh chấp về quyền lợi, nghĩa vụ với nguyên đơn trong vụ án thì tự thỏa thuận với nhau hoặc yêu cầu giải quyết quyền lợi của mình theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí: ông T, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án do yêu cầu của bà C được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP quy định về việc họ, hui, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị C.

1. Buộc ông Dương Văn T và bà Hoàng Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị C số tiền 57.800.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T, bà L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Ông T, bà L phải chịu 2.890.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà C 1.445.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005600 ngày 02/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc

không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Nơi nhận:

- TAND tỉnh tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hà Văn Phúc